

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 671/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thu Huệ

2. Bà Võ Thị Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 620/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị B, sinh năm 1953; địa chỉ: F, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Kỳ S, sinh năm 1954; địa chỉ: F, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2023, ngày 06/10/2023; bản tự khai, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Thị B xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Tạ Thị B và ông Nguyễn Kỳ S tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2009, bà B và ông S có nhận nuôi trẻ Nguyễn Tạ Xuân H, cùng lúc đó khó khăn về kinh tế, vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn về việc nuôi con và những chuyện riêng tư khác, vợ chồng đã chia phòng ngủ riêng, sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Mọi vấn đề liên quan đến con đều do bà B lo liệu, ông S không quan tâm. Đến nay cảm thấy tình hình giữa bà B và ông S không còn phù hợp, tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hoà giải, hàn gắn được, do vậy bà B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Tạ Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Kỳ S.

Về con chung: Bà Tạ Thị B và ông Nguyễn Kỳ S có 01 con chung là Nguyễn Tạ Xuân H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 26/8/2009. Hiện trẻ Nguyễn Tạ Xuân H sống chung với bà B. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Tạ Xuân H, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện bà B yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại địa chỉ số F đường H, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 04586/2003 do U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2003 cho ông Nguyễn Kỳ S và bà Tạ Thị B.

Ngày 28/8/2024, bà Tạ Thị B có đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng nêu trên.

Về nợ chung: Bà Tạ Thị B xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà nguyên đơn trình bày: Giữa bà B và ông S đến nay không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống, thực tế vợ chồng đã không còn ăn chung, ở chung từ rất lâu và sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Vì vậy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông S.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Kỳ S trình bày:

Ông S và bà Tạ Thị B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1996 đúng như bà B trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do lúc đầu bà B nhận con nuôi, ông S chưa gặp mặt con nên chưa đồng ý, sau khi gặp mặt con ông S đồng ý cùng bà B làm thủ tục nhận con nuôi. Ông S xác định vẫn yêu thương, chăm sóc trẻ Nguyễn Tạ Xuân H cùng bà B. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng bất đồng quan điểm là do bà B muốn bán nhà, ông S không đồng ý vì nếu bán nhà sẽ không còn nhà để ở. Bà B dạy con không cho tiếp xúc, gần gũi với ông S, ngăn cản không cho con nhận sự chăm sóc từ ông S. Tuy vậy, ông S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hơn nữa việc vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của con.

Do vậy về yêu cầu ly hôn của bà B ông S không đồng ý

Về con chung: Bà Tạ Thị B và ông Nguyễn Kỳ S có 01 con chung là Nguyễn Tạ Xuân H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 26/8/2009. Hiện trẻ ở cùng bà B. Sau khi ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tạ Xuân H, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông S vẫn có trách nhiệm thương con và cho tiền con cái khi ông S có tiền, có điều kiện kinh tế.

Về tài sản chung: Bà B rút yêu cầu chia tài sản chung ông S không có ý kiến.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Kỳ S xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Sau khi ly hôn, giao trẻ Nguyễn Tạ Xuân H cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà B tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ theo quy định. Nợ chung không có nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, bị đơn đang cư trú tại Quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị B và ông Nguyễn Kỳ S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn trình bày cuộc sống hôn nhân hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2009, bà B và ông S nhận nuôi trẻ Nguyễn Tạ Xuân H, cùng lúc đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, mâu thuẫn từ việc nuôi dạy con và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã chia phòng ngủ riêng, theo bà B trình bày vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, mọi vấn đề liên quan đến con đều do bà B tự lo liệu, ông S không quan tâm, không có trách nhiệm. Bà B thấy tính tình ông S không còn phù hợp với bà B, tình cảm vợ chồng không

còn, mâu thuẫn không thể hoà giải, hàn gắn tình cảm để tiếp tục sống chung được nữa, nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông S. Bị đơn Nguyễn Kỳ S trình bày vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, ông S vẫn còn tình cảm, thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ hai phía, bà B và ông S đến nay không còn cùng quan điểm trong cuộc sống, không còn có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân đã rất lâu. Toà án đã nhiều lần hoà giải và tạo điều kiện thời gian, động viên để hai bên tự hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng về đoàn tụ, bà B vẫn giữ nguyên ý kiến kiên quyết ly hôn, ông S không đồng ý ly hôn, nhưng ông S cũng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy nếu có duy trì cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai, nên với yêu cầu của bà B là được ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Tạ Thị B và ông Nguyễn Kỳ S có 01 con chung là Nguyễn Tạ Xuân H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 26/8/2009. Hiện trẻ Nguyễn Tạ Xuân H sống chung với bà B. Bà B yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là phù hợp nên chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ông S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Bà B đã rút yêu cầu chia tài sản chung theo như Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/8/2024, xét việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[8] Về nợ chung: Hai bên đương sự trình bày không có nợ chung nên không xét.

[9] Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[10] Về án phí: Nguyên đơn bà Tạ Thị B, sinh năm 1953 là người cao tuổi, bà B có đơn yêu cầu được miễn tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; miễn nộp tạm ứng án phí, án phí cho nguyên đơn bà Tạ Thị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 219, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị B được ly hôn với Nguyễn kỳ S (Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/1996 đăng ký ngày 12/4/1996 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về con chung: Bà Tạ Thị B và ông Nguyễn Kỳ S có 01 con chung là Nguyễn Tạ Xuân H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 26/8/2009. Sau khi ly hôn, giao cho bà B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Tạ Xuân H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 26/8/2009; ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Kỳ S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Nguyên đơn được miễn án phí.

Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ nguyên đơn tự chịu và đã nộp đủ.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM; (1)
- VKSND Quận 7; (2)
- Chi cục THADS Quận 7 (1)
- UBND phường Phú Mỹ, Quận 7, TPHCM; (1)
- Các đương sự; (3)
- Lưu VT, Hs...(TK Đức)⁽¹²⁾ (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phơ